

Kim Động, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 62/2024/QĐST-HNGĐ.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG – TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 92/2024/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi dưỡng con chung, giữa:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Trần Trung H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: 6M/48/75 T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Trần Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/9/2019. Hiện nay cháu Phương A đang ở cùng với anh H còn cháu Ngọc A đang ở cùng với chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chị H và anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đã gặp gỡ và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản vào ngày 24/3/2016 là đúng. Sau khi anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Đại Sứ Quán Việt Nam ở Nhật Bản, anh chị chung sống làm ăn ở Nhật Bản cho đến năm 2017 thì vợ chồng anh chị về Việt Nam sinh sống làm ăn ở gia đình anh H ở thành phố Nam Định. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một năm, từ sau khi về Việt Nam vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không còn chia sẻ được với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên có những xung đột, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bên cạnh đó do vợ chồng anh chị chung sống cùng với gia đình anh H,

chị H không hợp với mẹ chồng nên giữa mẹ chồng nàng dâu có những khúc mắc, vợ chồng lại không chia sẻ được với nhau dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể khắc phục được nên từ cuối năm 2018, khi chị H đang mang thai cháu thứ 2, chị H đã bỏ gia đình anh H về gia đình bố mẹ đẻ chị H ở huyện K, tỉnh Hưng Yên sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Đến nay cả chị H và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau quá lâu, không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nên anh chị đã thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/8/2024 giữa chị H và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần được công nhận là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/9/2019. Hiện nay cháu Phương A đang ở cùng với anh H, cháu Ngọc A đang ở cùng với chị H. Chị H và anh H thỏa thuận, giao chị H là người tiếp tục, trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngọc A, anh H được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phương A đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Xét thấy, chị H và anh H đều đủ điều kiện nuôi con theo quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên chấp nhận sự thỏa thuận của chị H, anh H.

[3]. Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: anh chị tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về lệ phí: chị H và anh H thỏa thuận, chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trung H.

1.2. Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Phương A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/9/2019. Hiện nay cháu Phương A đang ở cùng với anh H, cháu Ngọc A đang ở cùng với chị H. Chị H và anh H thỏa thuận, giao chị H được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng cháu Ngọc A, anh H được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phương A đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: chị H, anh H đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: chị H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001000 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh